

Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Vũ Gia T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu R, phường Q, thị xã Q, Quảng Ninh.

2. Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu R, phường Q, thị xã Q, Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H), tỉnh Quảng Ninh vào năm 1989. Nên hôn nhân của ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông T và bà H sống hạnh phúc đến tháng 4-2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bà H nghi ngờ ông T không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay, cả ông T và bà H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không

mong muốn vợ chồng về đoàn tụ và cùng có đơn yêu cầu Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà H. Xét thấy, việc ông T và bà H thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 17-3-1990 và Vũ Thu H, sinh ngày 11-8-1993. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, nên ông T và bà H không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc thoả thuận, thống nhất nêu trên của ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H đều thống nhất vợ chồng tự thoả thuận giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc thoả thuận, thống nhất nêu trên của ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự.

[4] Về lệ phí Toà án: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất mỗi người nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 17-3-1990 và Vũ Thu H, sinh ngày 11-8-1993. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, nên ông T và bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất vợ chồng tự thoả thuận giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H thống nhất mỗi người nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc

dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003165 ngày 20-12-2018 và số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003166 ngày 20-12-2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ông Vũ Gia T và bà Trần Thị Bích H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga